

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 42/2024/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H đường L, phường L, quận Đ, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B, chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ KHCN PUN MB

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị H, chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng C tòa nhà B Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: - Bà Lê Thị S, sinh năm 1957

- Ông Trương Xuân T, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Thành, xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về vấn đề vay nợ: Các bên đương sự thống nhất: Bà **Lê Thị S** và ông **Trương Xuân T** còn nợ của **Ngân hàng TMCP V (V2)** số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/8/2024 là **2.359.932.676 đồng**, trong đó: Tiền gốc: 2.074.999.766 đồng; Tiền lãi trong hạn: 31.050.885 đồng; **T1** lãi quá hạn: 238.528.155 đồng và lãi chậm trả: 15.353.870 đồng và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Bà **S** và ông **T** chấp nhận trả khoản nợ cho ngân hàng.

2.2. Về phương án trả nợ: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Chậm nhất đến ngày 01/11/2024 vợ chồng bà **Lê Thị S** và ông **Trương Xuân T** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V (V2)** toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/8/2024: **2.359.932.676 đồng**, trong đó: Tiền gốc: 2.074.999.766 đồng; Tiền lãi trong hạn: 31.050.885 đồng; **T1** lãi quá hạn: 238.528.155 đồng và lãi chậm trả: 15.353.870 đồng và tiền lãi đến khi thanh toán xong nợ.

2.3. Về Xử lý tài sản thế chấp: Nếu bà **Lê Thị S** và ông **Trương Xuân T** không thực hiện đúng cam kết như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1837, tờ bản đồ số 15 - Đo vẽ năm 2013, tại địa chỉ: **Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 821736, Số vào sổ cấp GCN: CS 00428 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T** cấp ngày 17/02/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản: LN2303068542591 ngày 08/03/2023

3. Về án phí: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Bà **Lê Thị S** và ông **Trương Xuân T** có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ tiền án phí là 39.599.326 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi chín nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng)

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V (V2)** số tiền tạm ứng án phí 38.270.000 (Ba mươi tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định tại Biên lai thu số 0003551 ngày 05/6/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành

không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Hồng Đức